

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 58

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") của Công ty đã giảm xuống còn 47,41% nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của HNG và số lượng thành viên trong HĐQT của HNG đại diện cho Công ty vẫn chiếm đa số (4 thành viên trên tổng số 7 thành viên). Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

Số tham chiếu: 60752790/21093043

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 9 tháng 4 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 28.3 của báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo, vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn tồn đọng với tổng giá trị là 10.297.732.389 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7.203.785.884 ngàn VND). Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi của số dư nợ tồn đọng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.481.726.089 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.176.011.448 ngàn VND) bao gồm trong các số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Ngoài ra, như được trình bày tại Thuyết minh số 26, trong năm Công ty đã ghi nhận giảm chi phí khác từ việc hoàn nhập số dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 142.895.860 ngàn VND. Việc trích lập này đã được thực hiện trong các năm trước căn cứ vào quy định tại Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20").

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng thuế TNDN tương tự theo quy định hiện tại của NĐ 20 với số tiền ước tính là 91.021.704 ngàn VND do việc Công ty áp dụng các nội dung mới của dự thảo sửa đổi NĐ 20 mặc dù dự thảo này chưa được phê duyệt chính thức bởi các cơ quan có thẩm quyền tại ngày của báo cáo này.

Nếu Công ty thực hiện việc ghi nhận chi phí thuế TNDN theo hướng dẫn của NĐ 20 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và không hoàn nhập chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong các năm tài chính trước đó, chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ tăng với số tiền là 142.895.860 ngàn VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" sẽ tăng với số tiền là 91.021.704 ngàn VND, chỉ tiêu "Lỗ trước thuế" và "Lỗ sau thuế" sẽ tăng với số tiền lần lượt là 142.895.860 ngàn VND và 233.917.564 ngàn VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Lỗ lũy kế" và chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng với cùng số tiền là 233.917.564 ngàn VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 713.495.700 ngàn VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, và cũng vào ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 737.210.940 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.739.809.646	3.251.095.303
110	I. Tiền		116.834.469	212.718.119
111	1. Tiền	4	116.834.469	212.718.119
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.600.276.574	2.968.015.884
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	416.053.861	148.062.928
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	276.537.115	53.223.639
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.087.575.874	1.685.257.537
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	977.915.535	1.092.715.724
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7, 8	(157.805.811)	(11.243.944)
140	III. Hàng tồn kho	9	16.769.564	60.697.932
141	1. Hàng tồn kho		17.043.882	60.972.250
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.318)	(274.318)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.929.039	9.663.368
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		429.859	301.304
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.776.848	5.295.828
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.722.332	4.066.236
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.360.096.625	23.810.496.598
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.465.153.743	10.776.517.466
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	8.838.255.230	10.180.412.985
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	903.779.309	596.104.481
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7, 8	(276.880.796)	-
220	II. Tài sản cố định		197.156.679	212.651.784
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	169.314.359	183.522.505
222	Nguyên giá		290.309.443	301.198.226
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(120.995.084)	(117.675.721)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	27.842.320	29.129.279
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.607.832)	(11.320.873)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	67.867.999	37.104.803
231	1. Nguyên giá		74.075.831	42.073.202
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(6.207.832)	(4.968.399)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.752.230	9.583.389
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.752.230	9.583.389
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	6.609.511.112	12.763.110.626
251	1. Đầu tư vào công ty con		6.656.151.071	10.312.155.846
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	3.258.537.647
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(59.000.000)	(814.942.908)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.654.862	11.528.530
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.654.862	11.068.748
262	2. Tài sản thuế hoãn lại	27.2	-	459.782
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.099.906.271	27.061.591.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.019.370.294	14.266.324.224
310	I. Nợ ngắn hạn		1.536.353.671	3.424.554.493
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	58.205.395	34.626.192
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.604.811	3.933.938
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.998.774	3.659.623
314	4. Phải trả người lao động		11.983.333	8.312.678
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	823.460.958	553.114.180
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		60.667	228.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	188.305.098	1.002.721.830
320	8. Vay ngắn hạn	20	446.631.125	1.817.853.875
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		8.483.016.623	10.841.769.731
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.139.729.876	1.374.149.901
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	292.666.626	570.075.796
338	3. Vay dài hạn	20	7.044.687.161	8.891.914.013
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	322.939	-
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.610.021	5.630.021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.080.535.977	12.795.267.677
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	12.080.535.977	12.795.267.677
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lỗ lũy kế		(737.210.940)	(22.479.240)
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(23.715.240)	85.590.785
421b	- Lỗ trong năm		(713.495.700)	(108.070.025)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.099.906.271	27.061.591.901



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	100.734.787	150.747.273
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(93.104.304)	(122.765.299)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.630.483	27.981.974
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.773.261.043	1.393.240.909
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(2.075.009.756) (914.705.236)	(1.329.038.372) (1.077.816.296)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(4.564.764)	(5.557.393)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(491.123.181)	(213.379.470)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(789.806.175)	(126.752.352)
31	9. Thu nhập khác	26	3.215.928	25.692.529
32	10. Chi phí khác	26	73.877.268	(9.999.364)
40	11. Lợi nhuận khác	26	77.093.196	15.693.165
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(712.712.979)	(111.059.187)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	(4.066.942)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(782.721)	7.056.104
60	15. Lỗ sau thuế TNDN		(713.495.700)	(108.070.025)


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Ngày 9 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ kế toán trước thuế		(712.712.979)	(111.059.187)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	14.537.673	19.232.945
03	(Hoàn nhập) trích các khoản dự phòng		(332.500.245)	214.897.837
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(331.467)	21.190.788
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		134.054.019	(1.370.044.503)
06	Chi phí lãi vay	24	914.705.236	1.077.816.296
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.752.237	(147.965.824)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(892.813.900)	527.802.497
10	Giảm hàng tồn kho		43.928.368	54.039.893
11	Giảm các khoản phải trả		(1.244.733.312)	(1.382.409.990)
12	Giảm chi phí trả trước		285.331	2.900.134
14	Tiền lãi vay đã trả		(728.189.479)	(336.677.729)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	-	(49.839.924)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.236.000)	(1.423.684)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(2.805.006.755)	(1.333.574.627)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(252.850)	(309.545)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		24.105.154	-
23	Tiền chi cho vay		(5.972.088.587)	(4.534.472.229)
24	Tiền thu hồi cho vay		4.828.959.104	4.674.851.401
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(376.313.640)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.452.581.129	2.550.000
27	Tiền thu lãi cho vay		861.335.320	1.145.906.722
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.194.639.270	912.212.709

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	925.824.600
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.485.516.165)	(305.041.649)
40	Lưu chuyển tiền thuần/(sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(2.485.516.165)	620.782.951
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(95.883.650)	199.421.033
60	Tiền đầu năm	4	212.718.119	13.297.086
70	Tiền cuối năm	4	116.834.469	212.718.119



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Ngày 9 tháng 4 năm 2020



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 219 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 285).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,41
(2) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,41
(3) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	46,35
(4) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	46,35
(5) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	47,18
(6) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	47,41
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	46,35
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,41
(9) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,41

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(10) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	47,41
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	47,41
(12) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	46,93
(13) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,36
(14) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,36
(15) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	78,22
(16) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	78,22
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(17) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	60,41
(18) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(19) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Quản lý bất động sản Quy Nhơn	Quy Nhơn, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(5) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại HNG của Công ty đã giảm xuống còn 47,41% nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của HNG và số lượng thành viên trong HĐQT của HNG đại diện cho Công ty vẫn chiếm đa số (4 thành viên trên tổng số 7 thành viên).

Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Giá định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 713.495.700 ngàn VND, và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 737.210.940 ngàn VND. Ngoài ra, vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số khoản vay ngắn hạn đã bị trễ hạn thanh toán như được trình bày tại Thuyết minh số 20.1 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này có thể tạo nên yếu tố không chắc chắn trọng yếu mà có thể ảnh hưởng lớn đến xét đoán về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã lập dòng tiền kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ các dự án đang triển khai và tái cơ cấu một số khoản nợ. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân dụng cụ, hàng hóa giá quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp kinh doanh dở dang cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 43 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong năm, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp :

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá ba (3) năm.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận tại ngày các bên tham gia hoàn tất các quyền lợi và nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	748.795	1.214.202
Tiền gửi ngân hàng	116.085.674	211.503.917
TỔNG CỘNG	116.834.469	212.718.119

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	275.065.000	-
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	249.045.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	26.020.000	-
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.717.582	47.677.813
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	34.140.817	34.415.390
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	26.323.777	60.258.805
Phải thu tiền bán căn hộ	3.806.685	5.710.920
TỔNG CỘNG	416.053.861	148.062.928
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh "TM" số 28.2)	128.115.946	138.649.839
Phải thu các bên khác	287.937.915	9.413.089

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.243.944	6.894.038
Cộng: Tăng dự phòng lập trong năm	1.752.682	11.243.944
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.127.793)	(6.894.038)
Số cuối năm	8.868.833	11.243.944

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	276.537.115	53.223.639
Trong đó:		
Trả trước bên liên quan (TM số 28.2)	268.265.107	49.703.805
Trả trước các bên khác	8.272.008	3.519.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28.2) (i)	3.930.680.511	1.667.079.652
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	156.895.363	18.177.885
	<u>4.087.575.874</u>	<u>1.685.257.537</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28.2) (i)	8.777.568.963	10.122.511.765
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	43.380.907	42.880.908
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.305.360	15.020.312
	<u>8.838.255.230</u>	<u>10.180.412.985</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.925.831.104</u>	<u>11.865.670.522</u>

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Tăng dự phòng lập trong năm	310.525.314	-
Số cuối năm	<u>310.525.314</u>	-
Trong đó:		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	34.759.378	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	275.765.936	-

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 3 năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80% đến 12,50%/năm.
- (ii) Khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 9,00% đến 12,50%/năm.
- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác mà Công ty và các công ty con phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc đầu năm (USD)	648.826	7.482.421
Tăng trong năm (USD)	100.000	-
Giảm trong năm (USD)	-	(6.833.595)
Nợ gốc cuối năm (USD)	<u>748.826</u>	<u>648.826</u>
Nợ gốc cuối năm (Ngàn VND)	<u>17.305.360</u>	<u>15.020.312</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	789.679.663	485.507.818
Phải thu lãi cho vay	180.568.798	327.125.093
Tạm ứng cho nhân viên	4.806.834	3.626.658
Cổ tức được chia	-	242.001.200
Phải thu khác	2.860.240	34.454.955
	<u>977.915.535</u>	<u>1.092.715.724</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<i>914.171.184</i>	<i>1.082.052.198</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>63.744.351</i>	<i>10.663.526</i>
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	901.412.468	530.650.354
Phải thu khác	2.366.841	65.454.127
	<u>903.779.309</u>	<u>596.104.481</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<i>901.001.458</i>	<i>594.554.350</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>2.777.851</i>	<i>1.550.131</i>
TỔNG CỘNG	<u>1.881.694.844</u>	<u>1.688.820.205</u>

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu khác khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Tăng dự phòng lập trong năm	115.292.460	-
Số cuối năm	<u>115.292.460</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>114.177.600</i>	<i>-</i>
<i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</i>	<i>1.114.860</i>	<i>-</i>

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Nguyên vật liệu	7.957.278	2.016.559
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.620.728	19.519.569
Công cụ, dụng cụ	1.785.064	95.315
Hàng hóa	1.622.476	7.279.617
Thành phẩm	58.336	58.561
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán	-	32.002.629
TỔNG CỘNG	17.043.882	60.972.250
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(274.318)	(274.318)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>16.769.564</u>	<u>60.697.932</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	227.147.150	28.703.459	35.531.753	3.018.364	6.689.440	108.060	301.198.226
Mua mới trong năm	-	38.831	-	45.178	-	-	84.009
Tăng khác	1.307.691	1.379.156	166.702	-	-	-	2.853.549
Thanh lý trong năm	(1.337.909)	(10.909.822)	(1.578.610)	-	-	-	(13.826.341)
Số cuối năm	227.116.932	19.211.624	34.119.845	3.063.542	6.689.440	108.060	290.309.443
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(62.270.199)	(20.394.839)	(25.456.829)	(2.787.871)	(6.689.440)	(76.543)	(117.675.721)
Khấu hao trong năm	(7.050.826)	(2.499.090)	(2.308.107)	(135.248)	-	(18.010)	(12.011.281)
Tăng khác	-	(1.379.156)	-	-	-	-	(1.379.156)
Thanh lý trong năm	1.337.909	7.334.775	1.398.390	-	-	-	10.071.074
Số cuối năm	(67.983.116)	(16.938.310)	(26.366.546)	(2.923.119)	(6.689.440)	(94.553)	(120.995.084)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	164.876.951	8.308.620	10.074.924	230.493	-	31.517	183.522.505
Số cuối năm	159.133.816	2.273.314	7.753.299	140.423	-	13.507	169.314.359
Trong đó:							
Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con	107.510.790	-	4.310.811	-	-	-	111.821.601
Giá trị nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	279.601	6.655.499	13.159.052	2.363.166	6.689.440	-	29.146.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	25.278.179	15.171.973	40.450.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(11.320.873)	(11.320.873)
Hao mòn trong năm	-	(1.286.959)	(1.286.959)
Số cuối năm	-	(12.607.832)	(12.607.832)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.278.179	3.851.100	29.129.279
Số cuối năm	25.278.179	2.564.141	27.842.320
<i>Trong đó:</i> <i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo</i> <i>các khoản vay của Công ty và</i> <i>công ty con</i>	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.072.022	15.001.180	42.073.202
Kết chuyển từ hàng tồn kho trong năm	-	32.002.629	32.002.629
Số cuối năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	(2.218.183)	(2.750.216)	(4.968.399)
Khấu hao trong năm	(739.394)	(500.039)	(1.239.433)
Số cuối năm	(2.957.577)	(3.250.255)	(6.207.832)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.853.839	12.250.964	37.104.803
Số cuối năm	24.114.445	43.753.554	67.867.999
<i>Trong đó:</i> <i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho</i> <i>các khoản vay của Công ty và</i> <i>công ty con</i>	24.114.445	43.753.554	67.867.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.366.332	6.549.508
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	1.239.432	1.239.432

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	6.656.151.071	10.312.155.846
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000	3.258.537.647
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.360.041	7.360.041
TỔNG CỘNG	6.668.511.112	13.578.053.534
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(59.000.000)	(814.942.908)
GIÁ TRỊ THUẦN	6.609.511.112	12.763.110.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (i)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	40,83	4.503.226.081	-	57,81	5.100.120.481	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai) ("HTL") (iv)	Nông nghiệp	78,22	1.977.146.000	-	98,00	2.477.146.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai) ("DHA") (iii)	Năng lượng	-	-	-	99,40	2.532.179.575	(729.012.108)
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) ("V&H") (ii)	Trồng cây cao su	-	-	-	80,00	26.930.800	(26.930.800)
TỔNG CỘNG			6.656.151.071	(59.000.000)		10.312.155.846	(814.942.908)

- (i) Trong năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý 60.000.000 cổ phần trong HNG với tổng giá trị chuyển nhượng là 1.021.700.000 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 423.657.538 ngàn VND (Thuyết minh số 22.2). Ngoài ra, vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, HNG đã hoàn tất việc phát hành thêm 221.710.000 cổ phần phổ thông để chuyển đổi 221.710 trái phiếu cho bên khác theo các Nghị quyết đã được phê duyệt bởi Đại Hội đồng Cổ đông. Như đã trình bày ở Thuyết minh số 1, mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại HNG của Công ty đã giảm từ 57,81% xuống 40,83% tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhưng theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 20 tháng 9 năm 2019, Công ty đã thanh lý toàn bộ 80,00% phần vốn góp trong V&H cho DHA, với tổng giá trị chuyển nhượng là 293.045.000 ngàn VND và ghi nhận khoản lỗ từ việc thanh lý là 232.263.816 ngàn VND (*Thuyết minh số 22.2*). Việc chuyển nhượng này đã được chấp thuận bởi Hội đồng Quản trị vào ngày 20 tháng 9 năm 2019. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các hồ sơ pháp lý liên quan.
- (iii) Vào ngày 10 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ 99,40% cổ phần trong DHA cho bên thứ ba, Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên, với tổng giá trị chuyển nhượng là 1.110.000.000 ngàn VND và ghi nhận khoản lỗ từ việc thanh lý là 693.167.467 ngàn VND (*Thuyết minh số 24*). Việc chuyển nhượng này đã được chấp thuận bởi Hội đồng Quản trị vào ngày 10 tháng 12 năm 2019. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền chuyển nhượng trên.
- (iv) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 19,78% phần vốn góp trong HTL cho bên liên quan và bên thứ ba, với tổng giá trị chuyển nhượng là 500.000.000 ngàn VND và không có lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý này. Việc chuyển nhượng này đã được chấp thuận bởi Hội đồng Quản trị vào ngày 28 tháng 11 năm 2019 và 30 tháng 12 năm 2019. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền chuyển nhượng trên.

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN") (*)	Bất động sản	-	-	47,89	3.253.537.647
TỔNG CỘNG			5.000.000		3.258.537.647

- (*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ 47,89% cổ phần trong HAN cho bên thứ ba với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.777.901.129 ngàn VND và ghi nhận khoản lỗ từ việc thanh lý là 475.631.518 ngàn VND (*Thuyết minh số 24*). Việc chuyển nhượng này đã được chấp thuận bởi Hội đồng Quản trị vào ngày 30 tháng 9 năm 2019. Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền chuyển nhượng trên.

13.3 Đầu tư vào các công ty khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			7.360.041		7.360.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	8.880.515	9.151.939
Công cụ, dụng cụ	679.080	909.734
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.095.267	1.007.075
TỔNG CỘNG	10.654.862	11.068.748

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	57.448.357	34.016.192
Phải trả khác	757.038	610.000
TỔNG CỘNG	58.205.395	34.626.192
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	30.221.256	34.150.134
Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)	27.984.139	476.058

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Khách hàng thương mại trả tiền trước	1.676.726	1.932.764
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	517.884	517.884
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	410.201	1.483.290
TỔNG CỘNG	2.604.811	3.933.938
Trong đó:		
Các bên khác	1.832.170	1.827.988
Các bên liên quan (TM số 28.2)	772.641	2.105.950

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngàn VND Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.230	-	-	65.230
Thuế thu nhập cá nhân	3.344.796	4.124.068	(5.164.217)	2.304.647
Thuế giá trị gia tăng	249.597	27.094.470	(26.826.376)	517.691
Khác	-	3.361.470	(1.250.264)	2.111.206
TỔNG CỘNG	3.659.623	34.580.008	(33.240.857)	4.998.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	794.816.138	383.223.801
Chi phí phát hành trái phiếu	21.414.660	21.414.660
Chi phí hoạt động	7.230.160	5.579.859
Khác	-	142.895.860
	<u>823.460.958</u>	<u>553.114.180</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	1.139.729.876	1.374.149.901
TỔNG CỘNG	<u>1.963.190.834</u>	<u>1.927.264.081</u>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan (TM số 28.2)	-	17.300.970
Các bên khác	1.963.190.834	1.909.963.111

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	80.347.526	905.278.933
Phải trả do thu hộ	49.757.784	72.853.000
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (ii)	36.000.000	-
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh phải trả (iii)	17.989.667	-
Phí bảo trì căn hộ	-	9.573.496
Khác	4.210.121	15.016.401
	<u>188.305.098</u>	<u>1.002.721.830</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)	123.209.705	899.390.923
Phải trả các bên khác	65.095.393	103.330.907
Dài hạn		
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (ii)	285.000.000	285.000.000
Phải trả do thu hộ	7.666.626	220.075.796
Phải trả tiền mượn từ các công ty	-	65.000.000
	<u>292.666.626</u>	<u>570.075.796</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)	285.000.000	570.075.796
Phải trả khác	7.666.626	-
TỔNG CỘNG	<u>480.971.724</u>	<u>1.572.797.626</u>

- (i) Số tiền này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- (ii) Thể hiện phần vốn góp nhận được từ các HĐHTKD được ký kết ngày 24 tháng 9 năm 2018 và ngày 23 tháng 10 năm 2019 với các cá nhân về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Công ty. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn 12% trên tổng số tiền đầu tư với thời hạn hợp tác là ba (3) năm hoặc sáu (6) tháng kể từ ngày hợp đồng.
- (iii) Số tiền này thể hiện khoản lợi nhuận phải trả cho các cá nhân liên quan đến các HĐHTKD nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngàn VND		
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm
			Số cuối năm
Vay ngắn hạn			
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 20.1)	775.763.117	77.000.000	(526.131.992)
Trái phiếu thường đến hạn trả (TM số 20.2)	429.095.758	278.857.850	(587.953.608)
Vay ngắn hạn bên liên quan	612.995.000	-	(612.995.000)
	<u>1.817.853.875</u>	<u>355.857.850</u>	<u>(1.727.080.600)</u>
			446.631.125
Vay dài hạn			
Trái phiếu thường (TM số 20.2)	8.516.093.277	9.704.470	(1.481.110.586)
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 20.1)	77.000.000	-	(77.000.000)
Vay dài hạn bên liên quan	298.820.736	-	(298.820.736)
	<u>8.891.914.013</u>	<u>9.704.470</u>	<u>(1.856.931.322)</u>
			7.044.687.161
TỔNG CỘNG	<u>10.709.767.888</u>	<u>365.562.320</u>	<u>(3.584.011.922)</u>
			7.491.318.286

20.1 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	249.631.125	553.056.660
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	77.000.000	299.706.457
TỔNG CỘNG	<u>326.631.125</u>	<u>852.763.117</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	326.631.125	775.763.117
Vay dài hạn	-	77.000.000

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
		Ngàn VND	USD			
BIDV - Chi nhánh Gia Lai (*)	<u>249.631.125</u>	203.674.725	1.978.321	Từ ngày 9 tháng 6 năm 2019 đến ngày 20 tháng 10 năm 2019	VND: 11,60; USD: 8,60 - 9,28	7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 1 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 1.199 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Ia pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên; Khu liên hợp học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai; Công trình Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL; Trụ sở làm việc của Công ty tại 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty.

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	249.631.125
Vay dài hạn	-

HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	<u>77.000.000</u>	77.000.000	-
---	-------------------	------------	---

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	77.000.000
Vay dài hạn	-

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty chưa thanh toán khoản vay đến hạn với số tiền là 249.631.125 ngàn VND theo lịch thanh toán trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường

	Ngàn VND	
Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	120.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("VPS")	-	991.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	-	145.268.041
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	-	594.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(61.312.839)	(71.079.006)
TỔNG CỘNG	7.164.687.161	8.945.189.035
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	7.044.687.161	8.516.093.277
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	120.000.000	429.095.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. **VAY** (tiếp theo)

20.2 **Trái phiếu thường** (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành		Trái chủ	Số cuối năm	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
			Ngàn VND	%/năm			
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2019: 9,825)		Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu, Lào; 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha (đã trồng 7.102 ha cọ dầu) tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG là 47,41% đang thấp hơn so với trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG tối thiểu là 51%. Ngoài ra, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 4.486 ha, thấp hơn so với trong Hợp đồng Tín dụng là 4.852,74 ha và diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế trồng là 5.233 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 7.102 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Trái chủ</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	120.000.000	Trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng bằng VND cộng với biên độ 3,50 (2019: 11,20)	Ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Ratanakiri, Campuchia); Dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
<i>Trong đó:</i>						
<i>Trái phiếu dài hạn</i>		120.000.000				
<i>đến hạn trả</i>						
<i>Trái phiếu dài hạn</i>		-				
ACBS	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2019: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, hệ số thanh toán hiện hành của Công ty đang nhỏ hơn một (1), thấp hơn trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (*)	<u>930.000.000</u>	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,50 (2019: 12,51 -12,57)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	172.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG là 47,41% thấp hơn quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG tối thiểu là 51%.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	86.517.785	12.904.264.702
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(108.070.025)	(108.070.025)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	-	(927.000)	(927.000)
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(22.479.240)	12.795.267.677
Năm nay						
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(22.479.240)	12.795.267.677
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(713.495.700)	(713.495.700)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	-	(1.236.000)	(1.236.000)
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(737.210.940)	12.080.535.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu phổ thông	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
Cổ phiếu phổ thông	927.399.283	927.399.283
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
Cổ phiếu phổ thông	68.664	68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu thuần	100.734.787	150.747.273
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.838.764	44.875.334
Doanh thu bán hàng hóa	22.226.703	52.034.845
Doanh thu bán trái cây	14.669.320	-
Doanh thu từ bất động sản	-	31.169.750
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	-	22.667.344
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	58.183.306	94.005.078
Doanh thu từ bên khác	42.551.481	56.742.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	1.104.878.372	1.127.964.012
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	655.921.355	-
Cổ tức được chia	11.959.979	242.081.177
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	501.337	23.195.720
TỔNG CỘNG	1.773.261.043	1.393.240.909
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	1.103.538.366	1.366.498.759
Doanh thu từ bên khác	669.722.677	26.742.150

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	55.007.691	37.283.259
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	23.902.354	49.172.547
Giá vốn bán trái cây	14.194.259	-
Giá vốn bất động sản	-	10.843.600
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	-	25.465.893
TỔNG CỘNG	93.104.304	122.765.299

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	1.141.878.187	-
Chi phí lãi vay	914.705.236	1.077.816.296
Lợi nhuận phải trả từ hợp đồng hợp tác đầu tư	17.989.667	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	436.666	28.602.926
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	218.528.242
Các khoản khác	-	4.090.908
TỔNG CỘNG	2.075.009.756	1.329.038.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	4.564.764	5.557.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.600.730	4.120.034
Chi phí lương nhân viên	876.058	220.335
Chi phí bán hàng khác	87.976	1.217.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	491.123.181	213.379.470
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	423.442.665	6.849.962
Chi phí lương nhân viên	35.556.338	42.946.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.128.921	13.961.586
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.401.429	7.900.652
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.593.828	141.720.670
TỔNG CỘNG	495.687.945	218.936.863

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.215.928	25.692.529
Lãi thanh lý tài sản	-	20.337.469
Các khoản khác	3.215.928	5.355.060
Chi phí khác	(73.877.268)	9.999.364
Hoàn nhập dự phòng (*)	(142.895.860)	-
Các khoản phạt	40.517.652	4.436.193
Xóa sổ tài sản	16.824.254	-
Lỗ thanh lý tài sản	8.992.631	-
Các khoản khác	2.684.055	5.563.171
LỢI NHUẬN KHÁC	77.093.196	15.693.165

(*) Số tiền này thể hiện việc ghi nhận giảm chi phí do việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN được trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong các năm trước, do NĐ 20 mới được ban hành và Công ty cũng chưa làm việc cụ thể với các cơ quan Nhà nước, do đó theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã tạm trích dự phòng thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm số tiền lãi vay phát sinh trong năm mà vượt 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã nghiên cứu các thông tin có liên quan và quyết định hoàn nhập số tiền đã trích lập trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty cũng quyết định không trích dự phòng chi phí thuế thu nhập dựa trên xét đoán căn cứ vào nội dung dự thảo sửa đổi NĐ 20 được Chính phủ ban hành trong năm 2019, theo các nội dung sửa đổi này thì Công ty ước tính tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm (chi phí lãi vay bù trừ với doanh thu lãi tiền gửi, tiền cho vay) là không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng (+) chi phí lãi vay thuần cộng (+) chi phí khấu hao trong năm.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, văn bản sửa đổi NĐ 20 vẫn chưa được ban hành chính thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4.066.942
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	782.721	(7.056.104)
TỔNG CỘNG	782.721	(2.989.162)

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(712.712.979)	(111.059.187)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được khấu trừ	293.049.399	138.340.143
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(85.811)	36.914.755
Thu nhập cổ tức	(11.959.979)	(242.081.178)
Lỗ tính thuế ước tính trong năm hiện hành	(431.709.370)	(177.885.467)
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động bất động sản	-	4.066.942
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4.066.942
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.230	45.838.212
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(49.839.924)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (TM số 17)	65.230	65.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	
	Số cuối năm		Năm nay	
	Số đầu năm		Năm trước	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	503.625	1.269.183	(765.558)	1.269.183
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(826.564)	(809.401)	(17.163)	7.382.951
Dự phòng hàng tồn kho	-	-	-	(1.596.030)
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả) tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(322.939)	459.782		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(782.721)	7.056.104

27.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.084.496.620 ngàn VND (2018: 652.787.250 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngàn VND
			Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	
2017	2022	474.901.783	-	-	474.901.783
2018	2023	177.885.467	-	-	177.885.467
2019	2024	431.709.370	-	-	431.709.370
TỔNG CỘNG		1.084.496.620	-	-	1.084.496.620

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Công ty chưa được ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 Giao dịch trong năm

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	3.009.300.660	2.256.438.360
		Thu hồi gốc cho vay	462.372.222	729.091.049
		Chuyển nhượng phần vốn góp	262.500.000	-
		Lãi cho vay	258.230.038	70.281.827
		Thu hồi lãi cho vay	46.045.700	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	1.018.678.321	384.715.112
		Lãi cho vay	439.112.672	429.075.118
		Thu hồi lãi cho vay	100.000.000	537.838.276
		Thu hồi gốc cho vay	15.300.000	115.727.133
		Bán hàng hóa	13.585.096	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hồi gốc cho vay	2.703.331.840	1.102.378.077
		Cho vay	1.282.148.420	1.559.796.279
		Lãi cho vay	200.398.547	122.891.707
		Mua hàng hóa	40.883.560	7.165.382
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.033.462	55.422.345
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Thu hồi gốc cho vay	514.788.889	-
		Thu hồi lãi cho vay	67.832.389	-
		Lãi cho vay	28.247.576	40.460.334
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	220.160.667	-
		Cần trừ công nợ	144.317.961	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.362.829	6.024.326
		Thanh lý tài sản cố định	-	34.922.295
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Thu hồi gốc cho vay	200.406.671	-
		Lãi cho vay	85.008.029	105.217.774
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	447.649.725	-
		Thu hồi gốc cho vay	89.110.000	-
		Cổ tức	-	242.001.200
		Lãi đi vay	-	8.561.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 9 năm 2019	Cho vay	24.746.574	189.902.902
		Lãi cho vay	9.599.897	131.396.952
		Thu hồi gốc cho vay	-	1.621.741.470
		Thu hồi lãi cho vay	-	148.102.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Giao dịch trong năm (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	95.209.929	100.000.000
		Thu hồi gốc cho vay	91.000.000	-
		Lãi cho vay	22.231.760	19.265.094
		Thanh lý tài sản cố định	6.725.275	26.033.893
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Góp vốn hợp tác kinh doanh	36.000.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn	20.120.000	-
		Lãi đi vay	-	6.391.122
		Lãi cho vay	-	2.967.516
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Thu hồi gốc cho vay	196.731.113	-
		Thu hồi lãi cho vay	48.224.304	-
		Lãi cho vay	15.738.489	19.946.349
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Thu hồi gốc cho vay	147.000.000	-
		Thu hồi lãi cho vay	55.887.813	-
		Lãi cho vay	12.846.896	15.269.167
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Thu hồi gốc cho vay	155.872.977	-
		Thu hồi lãi cho vay	194.680.913	-
		Lãi cho vay	11.504.781	15.803.788
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Thu hồi gốc cho vay	93.000.000	-
		Thu hồi lãi cho vay	38.098.244	-
		Lãi cho vay	7.246.774	9.429.167
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Thu hồi gốc cho vay	34.714.752	-
		Thu hồi lãi cho vay	30.246.436	-
		Lãi cho vay	3.384.688	5.304.506
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Thu hồi gốc cho vay	50.000.000	-
		Thu hồi lãi cho vay	21.627.778	-
		Lãi cho vay	3.652.778	5.069.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (**)	Các công ty liên quan	(**)	49.496.338	62.613.584
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty con	Bán tài sản cố định, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	41.258.602	41.078.201
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.816.181	13.026.522
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.140.477	7.086.336
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.583.442	3.815.536
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.766.573	2.311.412
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	2.930.603
		Cung cấp dịch vụ	-	1.010.461
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Công ty con trước đây	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.393.695
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (*)	Công ty liên quan trước đây	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.300.000
Các công ty khác	Các công ty liên quan	Các khoản khác	3.054.333	2.083.489
TỔNG CỘNG			128.115.946	138.649.839

(*) Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây nguyên không còn là bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5) (tiếp theo)

(**) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944		
	Bán hàng hóa	-	2.180.959		
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.785.553	988.185		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714		
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	613.127	26.346.782		
TỔNG CỘNG		49.496.338	62.613.584		

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	

Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)

Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	268.265.107	49.703.805	
---	-------------	---------------------------	-------------	------------	--

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (**)	Các công ty liên quan	(**)	2.013.674.928	489.039.660
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	8,00 - 10,00	1.877.207.456	983.468.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	-	20.120.000	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	-	16.742.127	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	-	1.636.000	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	11,50	1.300.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết trước đây	-	-	82.203.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (*)	Công ty liên quan trước đây	-	-	56.653.075
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	-	-	49.900.701
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	-	-	5.815.216
TỔNG CỘNG			3.930.680.511	1.667.079.652

(*) Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên không còn là bên liên quan của Công ty.

(**) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	9,75 - 10,00	1.068.890.232	313.312.864
Công ty Cổ phần Lê Me	11,50	857.847.971	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	12,00	86.936.725	82.726.796
Công ty TNHH An Tiến	-	-	93.000.000
TỔNG CỘNG		2.013.674.928	489.039.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngân VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (**)	Các công ty liên quan	(**)	7.444.257.204	6.095.915.458
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	12,50	649.106.397	849.513.068
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	-	275.765.936	259.169.936
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	-	358.538.725	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	12,50	49.900.701	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	-	-	2.314.922.877
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	-	-	514.788.888
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con trước đây	-	-	53.092.286
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (*)	Công ty liên quan trước đây	-	-	22.895.432
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	-	-	6.123.820
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	-	-	5.590.000
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con trước đây	-	-	500.000
TỔNG CỘNG			8.777.568.963	10.122.511.765

(*) Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây nguyên không còn là bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7) (tiếp theo)

(**) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Ngàn VND
			Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	9,75 - 12,00	4.127.769.426	3.884.249.304
Công ty Cổ phần Lê Me	11,50	3.216.487.778	1.527.347.312
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	12,00	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	-	-	196.731.113
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	-	-	155.872.977
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	-	-	147.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	-	-	50.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	-	-	34.714.752
TỔNG CỘNG		7.444.257.204	6.095.915.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	55.615.684	227.225.509
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	535.273.729 -	390.908.138 4.764.824
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	107.926.999	35.863.667
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	99.469.183 5.151.875	99.469.183 845.021
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn Khác	65.612.443 23.261	- -
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	27.165.722 -	5.408.925 22.020.585
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	16.049.756	5.893.816
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	-	242.001.200
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con trước đây	Chi trả hộ	-	39.770.165
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xê Kông	Công ty con trước đây	Chi trả hộ	-	3.722.605
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện	Công ty liên quan	Chi trả hộ	-	1.177.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết trước đây	Lãi cho vay	-	891.591
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	1.882.532	2.089.969
TỔNG CỘNG			914.171.184	1.082.052.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND	
			Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	19.711.031	19.847.708	
	Chi trả hộ	10.576.290	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	12.780.538	1.682.112	
	Chi trả hộ	2.192.000	2.192.000	
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	10.355.825	-	
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	-	157.007.722	
	Chi trả hộ	-	2.619.183	
Công ty TNHH An Tiến	Lãi cho vay	-	31.235.470	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Chi trả hộ	-	12.624.059	
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	-	17.255	
TỔNG CỘNG		55.615.684	227.225.509	

				Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)					
Nhóm nợ tồn đọng lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	734.688.235	328.991.673	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	154.362.922	69.354.893	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	11.089.045	-	
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	-	39.610.145	
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con trước đây	Chi trả hộ	-	5.807.788	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	-	91.531.259	
		Chi trả hộ	-	56.912.526	
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	861.256	2.346.066	
TỔNG CỘNG			901.001.458	594.554.350	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu dài hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	486.106.860	146.857.511
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	230.927.298	29.098.785
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	17.654.077	6.520.743
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Lãi cho vay	-	43.040.917
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	-	32.468.560
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Lãi cho vay	-	26.861.748
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	-	26.168.409
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Lãi cho vay	-	17.975.000
TỔNG CỘNG		734.688.235	328.991.673

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)					
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	22.887.524	-	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	2.295.863	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	1.950.572	-	
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	850.180	476.058	
TỔNG CỘNG			27.984.139	476.058	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	772.641	1.021.804
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	-	473.084
Các công ty khác	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	611.062
TỔNG CỘNG			772.641	2.105.950
Chi phí phải trả (TM số 18)				
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trước đây	Lãi vay	-	10.909.847
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi vay	-	6.391.123
TỔNG CỘNG			-	17.300.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)				
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	HTKD	36.000.000	-
		Lợi nhuận HTKD	1.488.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Mượn tạm	15.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Anh Hòa	Bên liên quan	Mượn tạm	10.000.000	10.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lợi nhuận HTKD	9.966.667	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	9.408.242	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tạm	7.422.950	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Lợi nhuận HTKD	6.535.000	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	1.812.809	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	-	400.000.000
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trước đây	Mượn tạm	-	369.668.231
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết trước đây	Thu hộ	-	13.851.144
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	-	13.396.900
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	-	11.860.372
		Thu hộ	-	1.393.535
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty con trước đây	Thu hộ	-	7.847.890
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tạm	-	6.450.000
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trước đây	Thu hộ	-	6.051.722
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Công ty con trước đây	Thu hộ	-	3.823.162
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con trước đây	Thu hộ	-	3.323.700
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con trước đây	Thu hộ	-	3.102.699
Các công ty khác	Bên liên quan	Thu hộ	2.806.287	5.851.818
TỔNG CỘNG			123.209.705	899.390.923

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả dài hạn khác (TM số 19)					
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Hợp tác kinh doanh	180.000.000	180.000.000	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Hợp tác kinh doanh	105.000.000	105.000.000	
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trước đây	Chi trả hộ	-	198.388.722	
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	-	65.000.000	
		Chi trả hộ	-	11.961.300	
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty con trước đây	Chi trả hộ	-	7.666.626	
Các bên khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	-	2.059.148	
TỔNG CỘNG			285.000.000	570.075.796	

28.3 Nhóm nợ tồn đọng lớn (trích từ TM số 28.2)

Theo giao dịch phát sinh:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn	7.444.257.204	6.095.915.458
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.013.674.928	489.039.660
Phải thu dài hạn khác	734.688.235	328.991.673
Phải thu ngắn hạn khác	55.615.684	227.225.509
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	49.496.338	62.613.584
TỔNG CỘNG	10.297.732.389	7.203.785.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.3 Nhóm nợ tồn đọng lớn (trích từ TM số 28.2) (tiếp theo)

Theo đối tượng phát sinh công nợ:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	5.728.839.392	4.365.255.572
Công ty Cổ phần Lê Me	4.315.618.872	1.556.446.096
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	220.176.467	219.468.434
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	27.595.944	219.817.820
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	-	341.668.291
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	-	229.216.928
Công ty TNHH An Tiến	-	124.235.470
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Bảo Minh	-	67.975.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	-	61.576.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	-	12.624.059
TỔNG CỘNG	10.297.732.389	7.203.785.884

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, các khoản phải thu tồn đọng lớn nói trên được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

28.4 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký trong năm như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
<i>Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc</i>		
Lương và thù lao	9.296.828	10.966.200
<i>Ban kiểm soát</i>		
Lương và thù lao	1.113.000	1.008.000
<i>Ban thư ký</i>		
Lương và thù lao	108.000	401.333
TỔNG CỘNG	10.517.828	12.375.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	35.634.684	36.936.506
TỔNG CỘNG	42.143.794	43.445.616

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020